

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **433/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/6/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Huỳnh Phước Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị O; Sinh năm: 1986; Thường trú: Ấp 3B, thị trấn BN, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: 01 đường LL (khách sạn Trung Tâm), phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

(có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T; Sinh năm: 1979; Thường trú: 166/190 Ter đường ĐVB, Phường L, Quận D, Thành Phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 24/3 đường KDV, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 3 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị O trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Sau đám cưới, bà và ông T ra tỉnh Bình Thuận làm ăn và thuê nhà sống ở đó (do thời gian quá lâu, nên bà không nhớ địa chỉ). Thời gian đầu, vợ chồng sống với nhau cũng tương đối hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc

Hòa T, sinh ngày 21/12/2005. Nhưng đến năm 2016, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu một phần do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, một phần do cả hai thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày. Thêm vào đó, ông T ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không từ bỏ cờ bạc, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, vì không chịu đựng được cuộc sống chung, bà đã đưa con về nhà mẹ ruột tại ấp 3B, thị trấn BN, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang sống và chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông T cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông T cũng chỉ về thăm mẹ con bà một, hai lần rồi cắt đứt mọi liên lạc. Nay, bà xác định không còn tình cảm gì với ông T. Hơn nữa, bà cũng đã quá mệt mỏi với cuộc hôn nhân này, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông T ly hôn để ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2019 và Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/5/2019, ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị O tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau đám cưới, vợ chồng ông, bà sống với nhau cũng tương đối hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hòa T, sinh ngày 21/12/2005. Nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T cũng thừa nhận trong thời gian chung sống với bà O, ông có cờ bạc dẫn đến nợ nần và ông xác nhận tình cảm vợ chồng giữa ông với bà O không còn khả năng hàn gắn vì thời gian ly thân đã lâu (hơn 03 năm), có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên ông đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T thỏa thuận giao con tên Nguyễn Ngọc Hòa T, sinh ngày 21/12/2005 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền công dân (nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về phía bị đơn, Tòa cũng đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn). Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 14, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O.

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Ngọc Hòa T, sinh ngày 21/12/2005 cho bà Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà O tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T đều xác nhận không có, nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra cũng như lời trình bày và xác nhận của đương sự tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện: Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị O thực hiện đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị O có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ngày 17/5/2019, ông Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà O và ông T lại không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con, T sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do vậy, căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để không công nhận bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T có với nhau một con chung tên Nguyễn Ngọc Hòa T, sinh ngày 21/12/2005. Bà O và ông T thỏa thuận giao con cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy việc thỏa

thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của trẻ T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Và theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông T có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Tuy nhiên, nếu ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của bà O, thì bà O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà O trình bày có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, giáo dục con chung phát triển toàn diện, nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận. Nhưng vì lợi ích của trẻ Thẩm, khi có yêu cầu của bà O hay ông T hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T đều khai không có, nên khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T đều khai không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 189, Điều 208, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01/01/2015);

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Ngọc Hòa T, sinh ngày 21/12/2005 cho bà Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị O tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị O có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Ngọc T đến thăm con chung. Vì quyền và lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T đều khai không có, nên khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc T đều khai không có nợ ai, nên không đề cập giải quyết.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị O chịu, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà O đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2018/0010968 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên